

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 6 – 2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

+ Ông Nguyễn Thanh Trường.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Phương T (H), sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Duy K, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: đường V, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lưu Thị H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực B, phường H, Quận C, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 19/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Phương T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Duy K xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau ngày 26/12/2014. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hợp nhau, anh K đánh chị nhiều lần. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Phạm Đỗ Q, sinh ngày 30/10/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định có nợ chị Lưu Thị H 20.000.000đ. Khi ly hôn, chị và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa anh Phạm Duy K trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng, đối với nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài, khi anh biết được có khuyên ngăn nhưng chị không sửa đổi nên anh có đánh chị. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Phạm Đỗ Q, sinh ngày 30/10/2015. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Trường hợp Tòa án giao con chung cho chị T nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng có nợ chị Lưu Thị H số tiền 61.000.000đ tiền hụi. Khi ly hôn, anh, chị H và chị T tự thỏa thuận với nhau về khoản nợ này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải chị Lưu Thị H trình bày: Chị xác định chị T có nợ tiền hụi 20.000.000đ, anh K nợ tiền hụi và tiền mượn số tiền 41.000.000đ. Tổng cộng chị T và anh K nợ chị số tiền 61.000.000đ. Nay chị T, anh K ly hôn để chị và chị T, anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lưu Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị H có yêu cầu xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Phương T và anh Phạm Duy K xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau ngày 26/12/2014. Quá trình chung sống chị T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hợp nhau, anh K đánh chị nhiều lần. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh K. Đối với anh K xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy, đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, mâu thuẫn giữa anh chị là có xảy ra, nay cả hai anh chị thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị, cho chị T được ly hôn anh K.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung tên Phạm Đỗ Q, sinh ngày 30/10/2015, hiện cháu đang sống với chị T. Khi ly hôn, cả hai anh chị đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng do anh chị không tự thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt để giao con chung cho người trực tiếp nuôi, xét cháu Q hiện còn nhỏ (mới hơn 03 tuổi), cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ và cháu hiện

đang sống với chị T nhằm tránh xáo trộn ảnh hưởng đến việc sinh hoạt của cháu do đó Hội đồng xét xử giao cháu Q cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù, giao con cho chị T nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị T gặp khó khăn hoặc cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh K vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị T có thay đổi ý kiến, chị yêu cầu anh K cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, do tại tòa nguyên đơn thống nhất mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con với số tiền là 695.000đ/tháng cũng phù hợp với sự tự nguyện của anh K nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh K xác định có nợ chị Lưu Thị H tổng số tiền 61.000.000đ (Trong đó: T 20.000.000đ, K 41.000.000đ). Khi ly hôn, chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị và chị T, anh K tự thỏa thuận do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp giữa chị H, chị T, anh K không tự thỏa thuận được có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Phương T về việc xin ly hôn anh Phạm Duy K.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Đỗ Q, sinh ngày 30/10/2015 cho chị Đỗ Phương T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2019 dl, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có;
 - Về nợ chung: Chị H và chị T, anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu 300.000đ. Ngày 19 tháng 4 năm 2019, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002393 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyên thu sung công quỹ nhà nước.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con anh K phải chịu 300.000đ (Chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lưu Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND phường 6, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
 (Đã ký)
 Lê Thị Thu**